TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NẬM NHÙN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/HNGĐ - ST
Ngày 31/03/2022
V/v: " Ly hôn ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM NHÙN, TỈNH LAI CHÂU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: ***Lý Đức Hiệp***.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: ***Phan Văn Thóc***

2. Ông: ***Phạm Anh Tuấn.***

- Thư ký phiên tòa: Ông: ***Đồng Văn Dũng*** **-** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu *tham gia phiên tòa*: Ông: ***Đặng Hồng Hạnh***- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2021/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc: " Ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị: Sùng Thị M - Sinh năm 1978.

Địa chỉ: Bản Nậm Nàn, xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

- *Bị đơn*: Anh: Lý Nỏ L - Sinh năm 1977.

Địa chỉ: Bản Nậm Nàn, xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Sùng Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị M và anh Lý Nỏ L đến với nhau và chung sống với nhau tự nguyện được gia đình hai bên nội ngoại làm đám cưới theo phong tục truyền thống tại địa phương từ năm 1995, do thời điểm đó chưa hiểu biết về quy định của pháp luật nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm

quyền. Sau khi cưới, Chị M và anh L chung sống với nhau tại bản Nậm Nàn, xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Quá trình chung sống, hai bên hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên ngăn, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng căng thẳng, trầm trọng và không có khả năng khắc phục. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị M và anh L đã sống ly thân, cả hai không ai quan tâm và không có trách nhiệm đến nhau. Nay chị Sùng Thị M đề nghị Tòa án cho hai vợ chồng được ly hôn, không công nhận chị Sùng Thị M và anh Lý Nỏ L là vợ chồng.

Về con chung: Chị Sùng Thị M và anh Lý Nỏ L có 06 con chung, cháu thứ nhất tên Lý Thị S sinh năm 1996 cháu thứ hai Lý Thị G, sinh ngày 03/09/1997; cháu thứ ba tên Lý A S, sinh ngày 01/01/1999; cháu thứ tư tên Lý A M, sinh ngày 20/12/2001; cháu thứ năm tên Lý Thị Nh, sinh ngày 07/02/2010 và cháu thứ sáu tên Lý Tiến Th, sinh ngày 10/01/2017. Hiện nay các con chung Lý Thị S, Lý Thị G, Lý A S, và Lý A M đã lớn, trưởng thành. Cháu Lý Thị S, Lý Thị G đã trưởng thành phát triển bình thường có khả năng lao động nên chị M không yêu cầu; còn đối với hai con chung Lý A S và Lý A M đang bị khuyết tật, chị M và anh L cũng đã thỏa thuận anh L có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lý A S, chị M có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lý A M. Đối với hai con chưa trưởng thành chị Sùng Thị M và anh Lý Nỏ L thỏa thuận giao con chung Lý Thị Nh, sinh ngày 07/02/2010 cho chị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Con thứ sáu tên Lý Tiến Th, sinh ngày 10/01/2017 cho anh Lý Nỏ L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra chị Sùng Thị M không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Lý Nỏ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Nỏ L và chị Sùng Thị M cưới nhau năm 1995 trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng tôi sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành, do đó vợ chồng tôi đã sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị M xin ly hôn tôi nhất trí.

Về con chung: Anh Lý Nỏ L và chị Sùng Thị M có 06 con chung, cháu thứ nhất tên Lý Thị S sinh năm 1996, cháu thứ hai Lý Thị G, sinh ngày 03/09/1997; cháu thứ ba tên Lý A S, sinh ngày 01/01/1999; cháu thứ tư tên Lý A M, sinh ngày 20/12/2001; cháu thứ năm tên Lý Thị Nh, sinh ngày 07/02/2010 và cháu thứ sáu tên Lý Tiến Th,

sinh ngày 10/01/2017. Anh L xác nhận hiện các con chung Lý Thị S, Lý Thị G, Lý A S, và Lý A M đã lớn, trưởng thành. Cháu Lý Thị S , Lý Thị G đã trưởng thành phát triển bình thường, có khả năng lao động nên anh L không đề cập; còn đối với hai con chung Lý A S và Lý A M đã trưởng thành bị khuyết tật *(không có khả năng lao động*), anh L và chị M cũng đã thỏa thuận anh L nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lý A S còn chị M có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lý A M. Đối với hai con chưa trưởng thành hai bên thỏa thuận giao con chung Lý Thị Nh, sinh ngày 07/02/2010 cho chị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Con thứ năm tên Lý Tiến Th, sinh ngày 10/01/2017 cho anh Lý Nỏ L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra anh L không có ý kiến trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

*Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35; 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15,16; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa thấy:

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị M và anh Lý Nỏ L; về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn, cũng như các tài liệu có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ án "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống với nhau, hai bên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chị M trình bày là do anh L hay dùng vũ lực hành hạ và đe dọa, từ đó hạnh phúc gia đình không còn được như xưa nữa, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa trong gia đình. Tại biên bản xác minh ngày 12/11/2021; đại diện Ủy ban nhân dân xã Nậm Manh xác định: Chị Sùng Thị M và anh Lý Nỏ L được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định chị Sùng Thị M và Lý Nỏ L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2000. Tại thời điểm chung sống chị M và anh L đều đủ tuổi kết hôn nhưng cả hai đã không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, mặc dù chị M và anh L đã có thời gian dài chung sống cùng nhau và có các con chung, nhưng căn cứ các điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì không xác định chị M và anh L là vợ chồng. nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị M và anh Lý Nỏ L.

[3] Về con chung: Chị M và anh L đều xác nhận có 06 người con chung, cháu thứ nhất tên Lý Thị S sinh năm1996, cháu thứ hai Lý Thị G, sinh ngày 03/09/1997; cháu thứ ba tên Lý A S, sinh ngày 01/01/1999; cháu thứ tư tên Lý A M, sinh ngày 20/12/2001; cháu thứ năm tên Lý Thị Nh, sinh ngày 07/02/2010 và cháu thứ sáu tên Lý Tiến Th, sinh ngày 10/01/2017. Cháu Lý Thị S, Lý Thị G đã trưởng thành, phát triển bình thường có khả năng lao động, nên anh L và chị M không yêu cầu giải quyết.

Đối với cháu Lý Thị Nh có nguyện vọng ở với mẹ, chị M cũng có nguyện vọng được nuôi con. Do vậy cần giao cháu Lý Thị Nh cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Còn đối với cháu Lý Tiến Th anh L có nguyện vọng được nuôi con, nên giao cháu Lý Tiến Th cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tuy nhiên về con chung chị M và anh L đều thừa nhận cháu Lý A S và cháu Lý A M đều trưởng thành nhưng hai cháu bị khuyết tật nặng và không có khả năng lao động, qua xác minh tại chính quyền địa phương, giấy xác nhận khuyết tật số hiệu 000002 và số hiệu 000004 của UBND xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn xác nhận cháu Lý A S thuộc dạng khuyết tật trí lực mức độ khuyết tật nặng; còn cháu Lý A M thuộc dạng khuyết tật Nghe, nói mức độ khuyết tật nặng. Hiện tại cháu Lý A S đang do chị Sùng Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng; còn cháu Lý A M do anh Lý Nỏ L chăm sóc, nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi đối với con khuyết tật giao cháu Lý A S cho chị Sùng Thị M có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lý A M cho anh Lý Nỏ L có trách nhiệm trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị M và anh L có quyền đi lại thăm nom, con chung, không ai được cản trở các bên thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Sùng Thị M và anh Lý Nỏ L xác định đã tự thỏa thuận về tài sản và xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát ở trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân vàgia đình năm 2014; Áp dụng khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận chị Sùng Thị M và anh Lý Nỏ L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung Lý Thị Nh, sinh ngày 07/02/2010 cho chị Sùng Thị M tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao con chung Lý Tiến Th, sinh ngày 10/01/2017 cho anh Lý Nỏ L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Đối với con chung bị khuyết tật cháu Lý A S và cháu Lý A M, để đảm bảo quyền lợi cho hai con nên giao cháu Lý A S cho chị Sùng Thị M có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; và giao cháu Lý A M cho anh Lý Nỏ L có trách nhiệm trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng theo quy định.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Sùng Thị M và anh Lý Nỏ L tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Sùng Thị M và anh Lý Nỏ L có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh L tự thỏa thuận giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

4. Về án phí: Chị Sùng Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0000311 ngày 04 tháng 11 năm 2021. Chị Máy đã nộp đủ, không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Nậm Nhùn;
- Chi cục THADS huyện Nậm Nhùn;
- Các đương sự;
- UBND xã Nậm Nanh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Đức Hiệp